

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2021/HS-ST
Ngày: 17 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hải.
2. Ông Hồ Đức Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hường – Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 76/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1991, tại tỉnh ; hộ khẩu thường trú tại: Ấp X, xã Th, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị Cẩm Nh1, sinh năm 1968; bị cáo có 01 em gái, sinh năm 1994; vợ tên Đỗ Thị B, sinh năm 1991; có 02 người con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/5/2021 đến nay, có mặt.

2. Hồ Thị Nh, sinh năm 1974, tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú tại: Ấp C, xã Th, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Hồ Văn D, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1945; bị cáo có 06 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1964, nhỏ nhất sinh năm 1979; có chồng tên Nguyễn Văn S, sinh năm 1971 (đã chết), có 03 người con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm

2006; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/5/2021 đến nay, có mặt.

3. Nguyễn Thị Th, sinh năm 1956, tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú tại: Ấp C, xã Th, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Th1 (chết) và bà Trần Thị Ch (chết); bị cáo có 08 anh chị em, lớn nhất (không nhớ năm sinh), nhỏ nhất (không nhớ năm sinh); chồng tên Nguyễn Văn Th2, sinh năm 1948; có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/5/2021 đến nay, có mặt.

4. Hà Thị L, sinh năm 1984, tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú tại: Ấp X, xã Th, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Hà Văn B, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; có 03 anh chị em, lớn nhất là bị can, nhỏ nhất sinh năm 1989; chồng tên Nguyễn Thanh S, sinh năm 1983; có 03 người con, sinh năm 2007, 2019, 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/5/2021 đến nay, có mặt.

5. Trịnh Thị Thu N (tên gọi khác là Gái Nh), sinh năm 1978, tại tỉnh B; nơi cư trú: Ấp Cỏ, xã Th, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Văn Tốt, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Vân H, sinh năm 1955 (chết); có 06 người anh chị em, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1992; chồng tên Nguyễn Văn L1, sinh năm 1979, có 02 người con ruột, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/5/2021 đến nay, có mặt.

6. Trần Xuân A, sinh năm 1994, tại tỉnh K; nơi cư trú: Ấp X, xã Th, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Trần Công L2, sinh năm 1958 và bà Trần Thị H1, sinh năm 1968; có em tên Trần Xuân Y, sinh năm 1995; chồng tên Hà Văn C, sinh năm 1989, có 02 người con ruột, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/5/2021 đến nay. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

7. Trịnh Thị L3, sinh năm 1982, tại tỉnh B; nơi cư trú: Ấp X, xã Th, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Văn T, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Vân H2, sinh năm 1955 (đã chết); có 06 anh chị em, lớn sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1992; chồng tên Bùi Văn S, sinh năm 1984; có 02 người con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/5/2021 đến nay. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

8. Ngô Thị Thúy D, sinh năm 1988, tại tỉnh B; nơi cư trú: Ấp C, xã Th, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con Ngô Văn T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968; có em tên Ngô Thị Mộng Ng, sinh năm 1992; chồng tên Nguyễn Trung B, sinh năm 1987, có 02 người con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/5/2021 đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Thanh L4, sinh năm 1978. Ngụ tại: Ấp C, xã Th, huyện D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn Anh T1, sinh năm 1989. Ngụ tại: Ấp X, xã Th, huyện D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 55 phút, ngày 31/3/2021, Công an xã Th, huyện D bắt quả tang tại khu đất trống của ông Nguyễn Văn L5 thuộc ấp X, xã Th, huyện D, tỉnh B các đối tượng Nguyễn Mạnh T, Hồ Thị Nh, Trịnh Thị Thu N, Hà Thị L, Trần Xuân A, Nguyễn Thị Th, Trịnh Thị L3, Ngô Thị Thúy D đang đánh bạc trái phép, được thua bằng tiền dưới hình thức bài cào ba lá.

Hình thức chơi bài cào: Sử dụng bộ bài tây 52 lá, chia cho mỗi người chơi 03 lá, người chơi cộng điểm ba lá bài với nhau để phân định thắng thua. Số điểm được tính từ 0 đến 9, cao nhất là 09 điểm, thấp nhất là 0 điểm. Người chơi nào có tổng số điểm 03 lá bài cao nhất sẽ ăn hết số tiền đặt cược của những người chơi còn lại. Điểm số các lá bài được tính như sau: Lá bài Át (A) được tính 01 điểm; các lá bài 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 được tính điểm tương ứng với con số ghi trên lá bài; các lá bài 10, J, Q, K được tính là 0 điểm.

- Cơ quan Công an thu giữ tại chiếu bạc: 01 (một) tấm bạt nhựa màu nâu, kích thước 60 cm x 80 cm; 02 (hai) bộ bài tây loại 52 lá, đã qua sử dụng.

- Thu trên người các đối tượng: Nguyễn Mạnh T 7.100.000 đồng, Hồ Thị Nh 950.000 đồng, Ngô Thị Thúy D 6.330.000 đồng, Trịnh Thị L3 250.000 đồng, Nguyễn Thị Th 900.000 đồng, Trịnh Thị Thu N 1.900.000 đồng, Hà Thị L 476.000 đồng, Trần Xuân A 1.300.000 đồng.

- Thu giữ trên sân nhà ông Nguyễn Văn L5: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu sơn xanh trắng, biển số 61V2-1819, số máy 5P71030042, số khung 030075; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ, biển số 61T6-4767, số máy 5VT167223, số khung 4Y067223; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn vàng nâu, biển số 61H1-397.82, số máy JF51E0865900, số khung 5143GZ027328.

Hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

1. Trịnh Thị Thu N: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 31/3/2021, N đi bộ từ nhà Nở đến nhà ông Nguyễn Văn L5 để thăm bệnh vợ ông L5. Nở mang theo 400.000 đồng, biếu vợ ông L5 100.000 đồng, còn 300.000 đồng. N nhìn thấy Hồ Thị Nh và Trịnh Thị L3 đang ở khu đất phía sau nhà ông L5 nên đi đến rồi 03 người rủ nhau chơi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài cào 03 lá. N sử dụng số tiền 200.000 đồng để đánh bạc, tham gia chơi 06 ván, mỗi ván đặt cược số tiền 50.000 đồng, thua 200.000 đồng thì nghỉ về đón con. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, N mang theo 2.000.000 đồng quay lại tham gia đánh bạc, chơi được 02 ván, đặt cược mỗi ván 50.000 đồng, thua 100.000 đồng thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ trên người N số tiền 1.900.000 đồng. Như vậy, số tiền N sử dụng vào việc đánh bạc trái phép là 2.200.000 đồng.

2. Hồ Thị Nh: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 31/3/2021, Nh điều khiển xe mô tô biển số 61T6-4767 từ nhà Nh đến nhà ông Nguyễn Văn L5 để thăm bệnh vợ ông L5. Khi đến nhà ông L5, Nh gặp Trịnh Thị Thu N và Trịnh Thị L3 đang ở khu đất phía sau nhà ông L5. Lúc này Nh, Nở và L3 rủ nhau chơi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài cào 03 lá. Nh mang theo 1.500.000 đồng, tham gia chơi khoảng 13 ván (làm cái 03 ván, đặt tụ khoảng 10 ván), mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Nh chơi đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì nghỉ về đi đón cháu, lúc này Nh thua 500.000 đồng. Khi đi đón cháu, Nh cho cháu số tiền 50.000 đồng, còn lại số tiền 950.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, N quay lại tiếp tục sử dụng số tiền còn lại (950.000 đồng) tham gia chơi đánh bạc. Nh chơi được khoảng 05 ván (làm cái 03 ván, đặt tụ 02 ván) mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, không thắng không thua thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ trên người Nh số tiền 950.000 đồng. Như vậy, số tiền Nh sử dụng vào việc đánh bạc trái phép là 1.450.000 đồng.

3. Trịnh Thị L3: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 31/3/2021, L3 đi bộ từ nhà L3 đến nhà ông Nguyễn Văn L5 thăm bệnh vợ ông L5. Khi đến nhà ông L5, L3 gặp Nh và N đang ở khu đất phía sau nhà ông L5 nên ba người rủ nhau chơi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài cào 03 lá. L3 mang theo và sử dụng 300.000 đồng vào việc đánh bạc, tham gia chơi 03 ván, đặt tụ mỗi ván 50.000 đồng. Khi Công an bắt quả tang L3 thua 50.000 đồng, Công an thu giữ trên người L3 số tiền 250.000 đồng. Như vậy, số tiền L3 sử dụng vào việc đánh bạc trái phép là 300.000 đồng.

4. Nguyễn Mạnh T: Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 31/3/2021, T điều khiển xe mô tô biển số 61V2-1819 đi chơi đá bóng. Khi Tùng đi ngang qua nhà ông Nguyễn Văn L5 thì thấy khu đất phía sau nhà ông Nguyễn Văn L5 có nhiều người đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài cào 03 lá nên T ghé vào tham gia chơi. T mang theo và sử dụng số tiền 2.300.000 đồng vào việc đánh bạc, chơi khoảng 15 ván (làm cái khoảng 05 ván, đặt tụ khoảng 10 ván), mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Khi bị Công an bắt quả tang, T thua số tiền 200.000 đồng. Trong lúc đang chơi đánh bạc thì Nguyễn Văn Anh T1 trả nợ cho Tùng số tiền 5.000.000 đồng, số tiền này T không sử dụng vào việc đánh bạc. Khi bắt quả tang, Công an thu giữ trên người T số tiền

7.100.000 đồng. Như vậy, số tiền T sử dụng vào việc đánh bạc trái phép là 2.300.000 đồng.

5. Ngô Thị Thúy D: Khoảng 17 giờ 40 phút, ngày 31/3/2021, D nhờ chồng là Nguyễn Trung B chở đến nhà ông Nguyễn Văn L5 để gặp Trần Xuân A để lấy tiền A nợ D. Khi đến nơi, D thấy Xuân A và nhiều người đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài cào 03 lá ở khu đất phía sau nhà ông L5 nên D đến tham gia chơi. D mới lĩnh lương được số tiền 6.430.000 đồng nên mang theo trong người. D lấy ra số tiền 100.000 đồng để tham gia chơi đánh bạc, chơi 01 ván, đặt cược 100.000 đồng, bị thua nên nghỉ không chơi nữa và đứng chờ Xuân A để lấy tiền nợ. Khi Công an bắt quả tang, thu giữ trên người D số tiền 6.330.000 đồng. Như vậy, số tiền D sử dụng vào việc đánh bạc trái phép là 100.000 đồng.

6. Nguyễn Thị Th: Khoảng 17 giờ ngày 31/3/2021, Th đi bộ từ nhà đến nhà ông Nguyễn Văn L5 để thăm bệnh vợ ông L5. Khi đến nhà ông L5, Th thấy khu đất phía sau nhà ông L5 nhiều người đang chơi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài cào 03 lá nên Th tham gia chơi. Th mang theo và sử dụng 950.000 đồng vào việc đánh bạc, chơi 03 ván, đặt cược mỗi ván 50.000 đồng, thua 50.000 đồng thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ trên người Th số tiền 900.000 đồng. Như vậy, số tiền Th sử dụng vào việc đánh bạc trái phép là 950.000 đồng.

7. Hà Thị L: Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 31/3/2021, L điều khiển xe mô tô biển số 61H1-39782 của L chở Trần Xuân A đến nhà ông Nguyễn Văn L5 để thăm bệnh vợ ông L5. Khi đến nhà ông L5, L thấy khu đất phía sau nhà ông Nguyễn Văn L5 có nhiều người đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài cào 03 lá nên đến tham gia. L mang theo và sử dụng số tiền 476.000 đồng vào việc đánh bạc, chơi 04 ván, mỗi ván đặt cược 50.000 đồng, không thắng không thua thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ trên người L số tiền 476.000 đồng. Như vậy, số tiền L sử dụng vào việc đánh bạc trái phép là 476.000 đồng.

8. Trần Xuân A: Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 31/3/2021, Xuân A đi chung xe mô tô biển số 61H1-39782 với Hà Thị L đến nhà ông Nguyễn Văn L5 thăm bệnh vợ ông L5. Khi đến nhà ông L5, Xuân A nhìn thấy khu đất phía sau nhà ông L5 có nhiều người đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài cào 03 lá nên đến tham gia. Xuân A mang theo và sử dụng 1.300.000 đồng vào việc đánh bạc, tham gia chơi 05 ván, mỗi ván đặt cược 50.000 đồng, không thắng không thua thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ trên người Xuân A số tiền 1.300.000 đồng. Như vậy, số tiền Xuân A sử dụng vào việc đánh bạc trái phép là 1.300.000 đồng.

Tổng số tiền các bị can sử dụng vào việc đánh bạc theo kết quả điều tra là 9.076.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo như Cáo trạng số 79/CT- VKSDT- HS ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B: Truy tố các bị cáo

Nguyễn Mạnh T, Hồ Thị Nh, Trịnh Thị Thu N, Hà Thị L, Trần Xuân A, Nguyễn Thị Th, Trịnh Thị L3, Ngô Thị Thúy D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt chính, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh T, Hồ Thị Nh, Trịnh Thị Thu N, Hà Thị L, Trần Xuân A, Nguyễn Thị Th, Trịnh Thị L3. Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Thị Thu N đề xuất mức án đối với các bị cáo từ 06 – 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng Khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Mạnh T, Hồ Thị Nh từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; xử phạt Trịnh Thị Thu N, Hà Thị L, Trần Xuân A, Nguyễn Thị Th, Trịnh Thị L3 từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng đề nghị:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) tấm bạt nhựa màu nâu, kích thước 60cm x 80cm và 02 (Hai) bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 7.876.000 đồng mà các bị can sử dụng vào việc phạm tội (cụ thể: đề nghị tịch thu của bị can Nguyễn Mạnh T 2.100.000 đồng; Hồ Thị Nh 950.000 đồng; Trịnh Thị L3 250.000 đồng; Nguyễn Thị Th 900.000 đồng; Trịnh Thị Thu N 1.900.000 đồng; Hà Thị L 476.000 đồng; Trần Xuân A 1.300.000 đồng).

Trả lại cho: Nguyễn Mạnh T số tiền 5.000.000 đồng và xe mô tô biển số 61V2-1819; Ngô Thị Thúy D số tiền 6.330.000 đồng; Hồ Thị Nh xe mô tô biển số 61T6-4767; Hà Thị L xe mô tô biển số 61H1-39782.

Quá trình điều tra xác định ngoài 08 bị cáo trên tham gia đánh bạc trái phép còn một số đối tượng khác khi thấy Công an đã bỏ chạy, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Khi nào xác minh được sẽ điều tra, xử lý sau.

Đối với ông Nguyễn Văn L5 - chủ khu đất nơi các bị can đánh bạc trái phép, xác định ông L5 không biết việc các bị can sử dụng đất nhà mình để đánh bạc trái phép nên Cơ quan Công an không xử lý hành vi của ông L5 là có căn cứ.

Quá trình thu thập chứng cứ cũng như kết quả thẩm tra tại phiên tòa, lời khai và trình bày của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án như sau:

Các bị cáo khai nhận thống nhất với kết quả điều tra và Cáo trạng, cũng như bản luận tội của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo. Thống nhất về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng theo đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa. Các bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Quá trình giải quyết vụ án các bị cáo không có ý kiến gì cũng không có bất cứ khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Quá trình điều tra ông Nguyễn Thanh L6 khai: Xe mô tô biển số 61T6-4767 do Hồ Thị Nh điều khiển đến địa điểm đánh bạc, xe mô tô này do ông L6 đứng tên chủ sở hữu, bị cáo Nh nhờ ông L6 đứng tên mua xe giùm do không có giấy phép lái xe. Ông L6 xác nhận là đứng tên mua xe giùm cho bị cáo Nh.

Quá trình điều tra ông Nguyễn Văn Anh T1 khai: Ông T1 tới địa điểm đánh bạc để trả cho bị cáo T số tiền 5.000.000 đồng, rồi đứng xem, không tham gia đánh bạc.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo T: Bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, là tệ nạn bị xã hội lên án, bị cáo rất hối hận, hứa không tái phạm, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nh: Bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận, hứa không tái phạm, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo N: Bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo cơ hội làm việc để chăm sóc con trai sinh năm 2003 bị bệnh ung thư và nuôi hai con nhỏ.

Bị cáo L: Bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội ở nhà chăm sóc gia đình.

Bị cáo Th: Bị cáo rất hối hận, không giám tái phạm nữa, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội ở nhà chăm sóc gia đình, nuôi chồng bị bệnh.

Bị cáo D: Bị cáo rất hối hận, hứa không tái phạm, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo cơ hội làm việc để chăm sóc gia đình và nuôi hai con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm theo quy định pháp luật.

[2] Các yếu tố cấu thành tội phạm:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo thống nhất với nội dung Bản kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra và bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, phù hợp với vật chứng mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 15 giờ đến 17 giờ 55 phút ngày 31/3/2021, tại bãi đất trống của ông Nguyễn Văn L5 thuộc ấp X, xã Th, huyện D, tỉnh B các đối tượng Nguyễn Mạnh T, Hồ Thị Nh, Trịnh Thị Thu N, Hà Thị L, Trần Xuân A, Nguyễn Thị Th, Trịnh Thị L3, Ngô Thị Thúy D tham gia đánh bạc trái phép, được thua bằng tiền dưới hình thức bài cào ba lá. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 9.076.000 đồng.

Hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Như vậy, bản Cáo trạng số 76/CT- VKSDT- HS ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị truy tố các bị cáo Nguyễn Mạnh T, Hồ Thị Nh, Trịnh Thị Thu N, Hà Thị L, Trần Xuân A, Nguyễn Thị Th, Trịnh Thị L3, Ngô Thị Thúy D về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Các căn cứ quyết định hình phạt:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, đủ khả năng để nhận thức được đánh bạc là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến an ninh trật tự an toàn xã hội, chỉ vì mục đích ham lợi nhất thời, mong muốn kiếm tiền nhanh không phải mất nhiều công sức lao động mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Đánh bạc là một tệ nạn đang bị xã hội lên án, là một trong những nguyên nhân kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác, làm cho đạo đức xã hội xuống cấp, quan hệ giữa người với người trở nên hận thù vì được mất, thắng thua, làm phá tán tài sản gia đình, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương xảy ra vụ án.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, những người tham gia đánh bạc đều giữ vai trò thực hành.

Về vai trò, ý chí thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo: Các bị cáo Nguyễn Mạnh T, Hồ Thị Nh giữ vai trò làm cái, sử dụng số tiền đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác nên cần xử mức án nặng hơn các bị cáo khác. Các bị cáo Trịnh Thị Thu N, Hà Thị L, Trần Xuân A, Nguyễn Thị Th, Trịnh Thị L3, Ngô Thị Thúy D giữ vai trò đồng phạm tích cực, trực tiếp tham gia đánh bạc thể hiện ý chí mong muốn sát phạt, kiên quyết thực hiện hành vi phạm tội như nhau, vì vậy cần áp dụng hình phạt và mức xử phạt các bị cáo mức tương đương nhau.

Về nhân thân: Trước thời điểm xảy ra hành vi phạm tội, các bị cáo có nhân thân tốt.

Về tiền án, tiền sự: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Mạnh T, Hồ Thị Nh, Nguyễn Thị Th, Hà Thị L, Trịnh Thị Thu N, Trần Xuân A, Trịnh Thị L3, Ngô Thị Thúy D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Tùng được khen thưởng do có công tham gia ở tuyến đầu chống dịch Covid-19, có bà nội được phong tặng Huân chương kháng chiến hạng ba; bị cáo L có cha ruột được phong tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Nh bị bệnh bướu đang điều trị tại Bệnh viện ung bướu; các bị cáo L, L3, A, D đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; bị cáo Th có trình độ học vấn thấp và có chồng là ông Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1948 có công với Cách mạng (thương binh hạng 4/4) nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm về an ninh trật tự, an toàn xã hội, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo và xử phạt mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để đảm bảo sự nghiêm minh cũng như sự khoan hồng của pháp luật và có tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung. Xét thấy các bị cáo T, Nh, Th, L, N, Xuân A, L3, D có nhân thân tốt; tại địa phương các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo T, Nh, Th, L, L3, A, D có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng để cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục; các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên việc cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội là không cần thiết. Xét thấy các bị cáo T, Nh, Th, L, N, Xuân A, L3, D có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo nên cho các bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xử phạt các bị cáo T, Nh mỗi bị cáo 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Xử phạt các bị cáo N, Th, L, L3, Anh, D, mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

[4] Về xử lý vật chứng:

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc theo kết quả điều tra là 9.076.000 đồng, vì có một số đối tượng bỏ trốn khi Cơ quan Công an bắt quả tang, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên số tiền thu giữ của các bị cáo chứng minh sử dụng vào việc đánh bạc mà Cơ quan Công an đã thu giữ là 7.876.000 đồng. Vì vậy, đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 7.876.000 đồng mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội (gồm Nguyễn Mạnh T 2.100.000 đồng; Hồ Thị Nh 950.000 đồng; Trịnh Thị L3 250.000 đồng; Nguyễn Thị Th 900.000 đồng; Trịnh Thị Thu N 1.900.000 đồng; Hà Thị L 476.000 đồng; Trần Xuân A 1.300.000 đồng) là đúng quy định.

Đối với 01 (một) tấm bạt nhựa màu nâu, kích thước 60cm x 80cm và 02 (hai) bộ bài tây loại 52 lá, đã qua sử dụng, không xác định của ai, do ai cung cấp để chơi đánh bạc trái phép, đây là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với số tiền 7.100.000 đồng thu giữ của Nguyễn Mạnh T, xét thấy trong số tiền này có 5.000.000 đồng Tùng không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho T số tiền 5.000.000 đồng. Đối với số tiền 6.330.000 đồng thu giữ của Ngô Thị Thúy D, xét thấy D không sử dụng số tiền này vào việc phạm tội nên cần trả lại cho D.

Đối với xe mô tô biển số 61T6-4767 do Hồ Thị Nh điều khiển đến địa điểm đánh bạc, xe mô tô này do ông Nguyễn Thanh L2 đứng tên chủ sở hữu. Bị cáo Nh khai đây là xe mô tô của Nhân nhờ ông L2 đứng tên mua xe giùm do không có giấy phép lái xe. Ông L2 xác nhận là đứng tên mua xe giùm cho bà Nh. Xét thấy, xe mô tô biển số 61T6-4767 là tài sản hợp pháp của Nh, không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho Nh.

Đối với xe mô tô biển số 61V2-1819 bị cáo Nguyễn Mạnh T điều khiển, do bị cáo T đứng tên chủ sở hữu, là tài sản hợp pháp của T. Xe mô tô biển số 61H1-39782 bị cáo L điều khiển, do L đứng tên chủ sở hữu, là tài sản hợp pháp của L. Xét thấy, T và L không sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội nên trả lại xe mô tô trên cho T và L.

[5] Các vấn đề khác của vụ án:

Quá trình điều tra xác định ngoài 08 bị cáo trên tham gia đánh bạc trái phép còn một số đối tượng khác khi thấy Công an đã bỏ chạy, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Khi nào xác minh được sẽ điều tra, xử lý sau.

Đối với ông Nguyễn Văn L5 - chủ khu đất nơi các bị cáo đánh bạc trái phép, ông L5 không biết việc các bị cáo sử dụng đất nhà mình để đánh bạc trái phép nên Cơ quan Công an không xử lý hành vi của ông L5 là có căn cứ.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, căn cứ điều luật, hình phạt, mức hình phạt, hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, đề nghị xử lý vật chứng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh T, Hồ Thị Nh, Nguyễn Thị Th, Hà Thị L, Trịnh Thị Thu N, Trần Xuân A, Trịnh Thị L3, Ngô Thị Thúy D phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh T 07 (bảy) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/11/2021).

Xử phạt bị cáo Hồ Thị Nh 07 (bảy) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/11/2021).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/11/2021).

Xử phạt các bị cáo Trần Xuân A 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/11/2021).

Xử phạt các bị cáo Hà Thị L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/11/2021).

Xử phạt các bị cáo Trịnh Thị L3 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/11/2021).

Xử phạt các bị cáo Ngô Thị Thúy D 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/11/2021).

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt các bị cáo Trịnh Thị Thu N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 17/11/2021).

Giao các bị cáo T, Nh, Th, L, N, A, L3, D cho Ủy ban nhân dân xã Th, huyện D, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình các bị cáo

có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng Khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Mạnh T, Hồ Thị Nh, mỗi bị cáo 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Xử phạt các bị cáo Trịnh Thị Thu N, Nguyễn Thị Th, Hà Thị L, Trịnh Thị L3, Trần Xuân A, Ngô Thị Thúy D, mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điểm a, b Khoản 1 Điều 46; Điểm a, b Khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điểm a, b, c Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) tấm bạt nhựa màu nâu, kích thước 60 cm x 80 cm và 02 (hai) bộ bài tây loại 52 lá.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền 7.876.000 đồng (bảy triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Trả lại cho Nguyễn Mạnh T: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu sơn xanh trắng, biển số 61V2-1819, số máy: 5P71030042, số khung: 030075.

Trả lại cho Ngô Thị Thúy D: 6.330.000 đồng (sáu triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng).

Trả lại cho Hồ Thị Nh một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đỏ, biển số 61T6-4767, số máy: 5VT167223, số khung: 4Y067223.

Trả lại cho Hà Thị L một xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn vàng nâu, biển số 61H1-39782, số máy: JF51E0865900, số khung: 5143GZ027328.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/10/2021 và Biên lai thu tiền số AA/2021/0004252 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Mạnh T, Hồ Thị Nh, Nguyễn Thị Th, Hà Thị L, Trịnh Thị Thu N, Trần Xuân A, Trịnh Thị L3, Ngô Thị Thúy D, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Khoản 1, 4 Điều 331; Khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo (T, Nh, N, Th, L, D) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/11/2021)

Các bị cáo (L3, Xuân A), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông L6, ông Tuấn A) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an huyện Dầu Tiếng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Th, huyện D, tỉnh B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng